

Bản án số : 08/2021/KDTM-ST

Ngày 25/3/2021

V/v “ Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Loan**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Thanh Trà và ông Nguyễn Văn Sanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 64/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2020 về “ Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST- KDTM ngày 02/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty CP G Đà Nẵng.**

Địa chỉ: Lô A-192B đường 30/4, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông **Võ M** – Chức vụ: Giám đốc Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị Thúy V** – sinh năm: 1996. Địa chỉ: 91 Yên B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền lập ngày 31.8.2020).

- Bị đơn: **Công ty TNHH C.**

Địa chỉ: Số 18, ngách 53/103, ngõ 53, phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức H – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt lần thứ hai).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Lê Thị Thúy V trình bày:*

Vào ngày 14/01/2018, Công ty CP G Đà Nẵng và Công ty TNHH C đã ký kết Hợp đồng mua bán số 17/HĐMB – 2018. Theo đó, Công ty C cam kết bán một số loại gỗ đúng số lượng, quy cách theo thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng nêu trên. Căn cứ vào Hợp đồng này, Công ty CP G Đà Nẵng tiếp tục ký kết Hợp đồng mua bán số 18/HĐMB -2018 ngày 17/01/2018 với Công ty TNHH Tân Trường P để bán lại cho Công ty

TNHH Tân Trường P toàn bộ số lượng gỗ đã mua từ Công ty TNHH C

Thực hiện Hợp đồng, ngày 22/01/2018, Công ty CP G Đà Nẵng đã chuyển cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng là 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty C đã giao hàng không đúng loại gỗ, quy cách, số lượng gỗ theo thỏa thuận cho Công ty TNHH Tân Trường P. Vì vậy, Công ty CP G Đà Nẵng đã yêu cầu Công ty TNHH C chuyển trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng nêu trên. Ngày 08/08/2018 và ngày 05/01/2019, Công ty Đức Trung đã hoàn trả lại cho Công ty CP G Đà Nẵng lần lượt số tiền là 900.000.000 đồng và 180.000.000 đồng. Như vậy, Công ty TNHH C còn nợ lại Công ty CP G Đà Nẵng số tiền 3.920.000.000 đồng. Toàn bộ những sự việc này đã được Công ty TNHH C xác nhận tại Biên bản cam kết trả nợ ngày 15/05/2019. Cũng theo Biên bản này, Công ty C cam kết hoàn trả dứt điểm toàn bộ số tiền còn nợ cho Công ty CP G Đà Nẵng chậm nhất đến ngày 30/09/2019. Tuy nhiên, cho đến hiện nay, dù nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở Công ty TNHH C hoàn trả lại toàn bộ số tiền nêu trên nhưng Công ty TNHH C vẫn tiếp tục chây ỳ, không chịu thực hiện việc trả lại tiền theo như cam kết.

Vì vậy, kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố quận Hải Châu xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty TNHH C trả lại cho Công ty CP G Đà Nẵng số tiền tạm ứng là: 3.920.000.000 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH C trả lãi cho Công ty CP G Đà Nẵng đối với số tiền chậm trả tạm tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 25/03/2021 là: 3.920.000.000 đồng x 10% / năm x 17 tháng 25 ngày = 582.500.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính Công ty TNHH C phải trả cho Công ty CP G Đà Nẵng là: 4.502.500.000 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là Công ty TNHH C nhưng Công ty TNHH C vẫn không đến Tòa án và không có ý kiến bằng văn bản nộp tại Tòa án về nội dung khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ: Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 39,40,41, 306 của Luật thương mại và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP G Đà Nẵng đối với Công ty TNHH C.

Buộc Công ty TNHH C phải trả cho Công ty CP G Đà Nẵng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/3/2021 là 4.502.500.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 3.920.000.000 đồng và nợ lãi 582.500.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

### **\* Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty TNHH C nhưng Công ty TNHH C vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

### **\* Về nội dung tranh chấp:**

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của Công ty CP G Đà Nẵng yêu cầu Công ty TNHH C phải trả cho Nguyên đơn số tiền là 4.502.500.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 3.920.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 25/03/2021 là:  $3.920.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 17 \text{ tháng} = 582.500.000 \text{ đồng}$ .

Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 14/01/2018, Công ty CP G Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Nguyên đơn) và Công ty TNHH C (sau đây gọi tắt là Bị đơn) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 17/HĐMB – 2018. Theo đó, Bị đơn cam kết bán một số loại gỗ đúng số lượng, quy cách theo thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng nêu trên cho Nguyên đơn. Giá trị của hợp đồng là 9.540.000.000 đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Ngày 22/01/2018 Nguyên đơn đã tạm ứng cho Bị đơn số tiền 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến hạn giao hàng thì Bị đơn giao không đúng loại gỗ, quy cách số lượng gỗ như đã thỏa thuận, nên các bên đã chấm dứt hợp đồng mua bán.

Theo biên bản cam kết trả nợ do các bên xác lập vào ngày 15/5/2019, thì tính đến ngày 05/01/2019 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 3.920.000.000 đồng. Bị đơn cam kết đến ngày 30/6/2019 sẽ trả cho Nguyên đơn 1.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại Bị đơn sẽ trả cho Nguyên đơn từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng và đến ngày 30/9/2019 sẽ trả dứt điểm cho Nguyên đơn. Tuy nhiên, Nguyên đơn đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị Bị đơn thanh toán số nợ trên nhưng Bị đơn vẫn không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 3.920.000.000 đồng.

Xét thấy, hợp đồng được ký kết giữa các bên là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết. Tuy nhiên, đến hạn giao hàng thì Bị đơn giao không đúng loại gỗ, quy cách số lượng gỗ như đã thỏa thuận, nên các bên đã chấm dứt hợp đồng mua bán. Tại biên bản cam kết trả nợ do các bên xác lập vào ngày 15/5/2019, thì tính đến ngày 05/01/2019 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 3.920.000.000 đồng. Bị đơn cam kết đến ngày 30/9/2019 sẽ trả dứt điểm cho Nguyên đơn. Tuy nhiên, đến nay Bị đơn vẫn chưa thanh toán cho Nguyên đơn, do đó, có cơ sở để xác định Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, căn cứ các Điều 39, 40, 41 và 50 Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên

đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 3.920.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán từ ngày 01/10/2019 đến ngày 25/3/2021 là: 3.920.000.000 đồng x 10% / năm x 17 tháng 25 ngày = 582.500.000 đồng.

HĐXX xét thấy, tại biên bản cam kết trả nợ do các bên xác lập vào ngày 15/5/2019, Bị đơn cam kết đến ngày 30/9/2019 sẽ trả dứt điểm số nợ gốc cho Nguyên đơn nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán, do đó yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn phải thanh toán tiền lãi từ ngày 01/10/2019 đến ngày 25/3/2021 với mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở, phù hợp với lãi suất quá hạn bình quân của ba Ngân hàng tại thời điểm xét xử được quy định tại Điều 306 của Luật thương mại. Cụ thể: Lãi suất quá hạn trung, dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng là 15%/năm, lãi suất quá hạn trung, dài hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là 15,45%/năm, lãi suất quá hạn trung, dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 15%/năm. Do đó cần buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi từ ngày 01/10/2019 đến ngày 25/3/2021 là 582.500.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 3.920.000.000 đồng + 582.500.000 đồng = 4.502.500.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 112.502.500 đồng Công ty TNHH C phải chịu.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 56.156.000 đồng cho Công ty CP G Đà Nẵng đã nộp theo biên lai thu số 5035 ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 39, 40, 41, 50 và 306 của Luật thương mại; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" của Công ty CP G Đà Nẵng đối với Công ty TNHH C.

#### **Xử:**

**1.** Buộc Công ty TNHH C phải trả cho Công ty CP G Đà Nẵng số tiền 4.502.500.000 đồng. (Bốn tỷ, năm trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 3.920.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 25/03/2021

582.500.500.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

**2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 112.502.500 đồng Công ty TNHH C phải chịu.**

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 56.156.000 đồng cho Công ty CP G Đà Nẵng đã nộp theo biên lai thu số 5035 ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký và đóng dấu)

**Phạm Thị Hồng Loan**



